

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
KHÓA XXI - KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Quy chế làm việc số 19-QC/TU ngày 19 tháng 9 tháng 2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khoá XXIV, nhiệm kỳ 2020-2025¹;

Xét Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 195/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Móng Cái; Báo cáo thẩm tra số 39/BC-HĐND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận thống nhất của các Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 195/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố, như sau:

1. Về nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung: Tuân thủ theo đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 17/12/2021. Bổ sung danh mục và kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các dự án theo chủ trương, kết luận của Thành uỷ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố và các dự án đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách cấp thành phố giai đoạn 2021-2025 cần bổ sung kế hoạch vốn để phù hợp với yêu cầu thực tiễn triển khai, bổ sung kế hoạch vốn cho các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn hỗ trợ từ ngân

¹ Quy chế làm việc số 19-QC/TU quy định Ban Thường vụ Thành uỷ cho ý kiến điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn từ 10% đến dưới 20%; Như vậy việc điều chỉnh tại Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 14/3/2024 của UBND Thành phố dưới 10% thì UBND Thành phố trình HĐND Thành phố.

sách tỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với các dự án hoàn thành, quyết toán; các dự án khởi công mới giai đoạn 2023-2025.

2. Phương án điều chỉnh, phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025, như sau:

a. Điều chỉnh tăng 48.308 triệu đồng so với Nghị quyết số 195/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2024 do Ủy ban nhân dân Tỉnh bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, phân bổ cho 03 dự án khởi công mới (Biểu số 01).

b. Điều chỉnh giảm 6.825 triệu đồng của 03 dự án và 80.159 triệu đồng dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023-2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư cho 23 dự án khởi công mới và 07 dự án chuyển tiếp (Biểu số 02).

3. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 195/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023, cụ thể:

3.1. Sửa đổi Khoản 3.1, Điều 1, Nghị quyết số 195/NQ-HĐND:

Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn ngân sách thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025 (Đơn vị: Triệu đồng)		
	Kế hoạch tại Nghị quyết số 195/NQ-HĐND	Nội dung điều chỉnh	Kế hoạch sau điều chỉnh
Vốn đầu tư ngân sách thành phố Móng Cái	3.511.600	48.308	3.559.908
(1) Kế hoạch đã phân bổ năm 2021	576.623		576.623
- Công trình chuyển tiếp	167.125		167.125
- Công trình khởi công mới	409.498		409.498
(2) Kế hoạch giai đoạn 2022-2025	2.934.977	48.308	2.983.285
(i1) Phân bổ cho các công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	219.875		219.875
(i2) Phân bổ cho các công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2022	1.401.834	3.450	1.405.284
(i3) Phân bổ cho các công trình khởi công mới giai đoạn 2023-2025	545.335	125.017	670.352
(i4) Dự nguồn phân bổ cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn	108.000		108.000
(i5) Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023 - 2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư	341.933	-80.159	261.774
(i6) Dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn	318.000		318.000

3.2. Sửa đổi Khoản 3.2, Điều 1, Nghị quyết số 195/NQ-HĐND:

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn ngân sách thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025 (Đơn vị: Triệu đồng)		
		Kế hoạch tại Nghị quyết số 195/NQ- HĐND	Nội dung Điều chỉnh	Kế hoạch sau điều chỉnh
	TỔNG SỐ	3.511.600	48.308	3.559.908
1	Các dự án, công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	387.000		387.000
2	Các dự án, công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2022	1.811.332	3.450	1.814.782
3	Các dự án, công trình khởi công mới giai đoạn 2023-2025	545.335	125.017	670.352
4	Dự nguồn phân bổ cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn	108.000		108.000
5	Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023 - 2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư	341.933	-80.159	261.774
6	Dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn	318.000		318.000

3.3. Sửa đổi Khoản 3.3, Điều 1, Nghị quyết số 195/NQ-HĐND:

Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh:

(1) Dự án, công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025: 42 dự án, công trình; kế hoạch là 387.000 triệu đồng (Biểu số 03).

(2) Dự án, công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025: 206 dự án, công trình (tăng 23 dự án, công trình); kế hoạch vốn là 2.485.134 triệu đồng (tăng 128.467 triệu đồng so với Nghị quyết số 195/NQ-HĐND)² (Biểu số 04).

(3) Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023-2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư: 261.774 triệu đồng (giảm 80.159 triệu đồng so với Nghị quyết số 195/NQ-HĐND).

Điều 2. Hội đồng nhân dân Thành phố giao:

1. Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, nội dung trình. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát tổng thể kế hoạch đầu tư công trung hạn, lũy kế vốn đã bố trí để xác định chính xác nhu cầu; có giải pháp huy động nguồn lực để đáp ứng kế hoạch đầu tư công trung hạn trong giai đoạn 2024-2025; rà soát các dự án cầu bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn để phân bổ chi tiết hết nguồn vốn còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn, nhất là đối với chương trình, dự án có thời gian thực hiện 2 kỳ kế hoạch đầu tư công liên tiếp, Khẩn trương hoàn thành thủ tục đầu tư, làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, nâng cao tính sẵn sàng, tính khả thi, khả năng triển khai thực hiện dự án; xem xét điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với các dự án đã bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn

² Trong đó: năm 2021 là 409.498 triệu đồng; giai đoạn 2022-2025 là 2.075.636 triệu đồng.

nhưng kéo dài không khởi công do không đảm bảo các quy định về quy hoạch, đất đai, xử lý tài sản công; tháo gỡ những khó khăn vướng mắc nảy sinh trong quá trình thi công để đảm bảo đúng tiến độ, giải ngân theo chỉ đạo của Tỉnh, Thành phố. Đồng thời chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 trình Hội đồng nhân dân thành phố cho ý kiến trong năm 2024 theo quy định của Luật Đầu tư công.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, xã phường trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành gắn với kiểm soát quyền lực nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính- ngân sách, tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, hậu kiểm, xử lý nghiêm vi phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch; phòng, chống tham nhũng, lợi ích nhóm; kiên quyết thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công. Kiểm soát chặt chẽ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho thành phố, các địa phương giai đoạn 2021 - 2025, đảm bảo sử dụng nguồn lực đúng mục đích, thủ tục theo Luật Đầu tư công và tiến độ hoàn thành dự án. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường được hỗ trợ vốn chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Hội đồng nhân dân thành phố và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố về tình hình thực hiện dự án theo quy định.

2. Các nội dung khác không quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này thì thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố số: 82/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021; 93/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2022; 105/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022; 122/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2022; 135/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2022; 144/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2022; 153/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023; 163/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023; 178/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 và 195/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023.

3. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XXI, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. *uv*

Nơi nhận:

- TT: HĐND và UBND tỉnh (B/c);
- Ban KT-NS HĐND Tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, Tư pháp, Tài chính;
- TT: Thành uỷ, HĐND và UBND Thành phố;
- Các đại biểu HĐND tỉnh ứng cử tại TP;
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH TP (P/h);
- Các Ban, các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các phòng, ban, cơ quan đơn vị thuộc TP;
- TT: HĐND, UBND các xã phường;
- Trung tâm TT và VH, công TTĐT TP;
- VP: Thành uỷ; HĐND-UBND (VP1, P1, P2, V2, V6 và V8);
- Lưu: VT. *uv*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đô

BỘ SƯNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 201/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND thành phố Móng Cái)

Đơn vị tính: Triệu đồng



STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Số: ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Nguồn NST hỗ trợ			Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Kế hoạch 2021-2025 sau bổ sung	Ghi chú
			Tổng cộng	NST	NSTP				Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025					
	Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn bản, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025		110.564	50.108	60.051	0	0	0	48.308	0	48.308	48.308	0	48.308		
1	Xây mới khu nhà học, các phòng học chức năng và nhà đa năng Trường tiểu học Hải Tiến	943: 14/3/2024	44.975	21.468	23.284				20.000		20.000	20.000		20.000		
2	Xây mới nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ Trường tiểu học và THCS Vĩnh Trung	944: 14/3/2024	7.589	3.640	3.899				3.308		3.308	3.308		3.308		
3	Xây mới khu nhà học, các phòng học chức năng và nhà đa năng Trường THCS Hải Xuân	943: 14/3/2024	58.000	25.000	32.868				25.000		25.000	25.000		25.000		

ĐIỀU CHỈNH CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số 201/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND thành phố Móng Cái)

Đơn vị tính: Triệu đồng.



STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Số ngày, tháng, năm	Quyết định CTĐT/Quyết định đầu tư	TMĐT		KH 2021-2025 phê duyệt tại NO 82, 93, 104, 122, 144, 153, 163, 178 và 195 của HĐND Thành phố		Điều chỉnh giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú				
				Tổng cộng	Trong đó: NSTP	Năm 2021	Năm 2022-2025	Giảm		Tăng		Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số		Năm 2021	Năm 2022-2025		
								Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số								Năm 2021	Năm 2022-2025
	TỔNG CỘNG			420.956	231.710	502.583	0	8.940	493.643	0	0	86.984	8.034	0	8.034	502.583	8.940	493.643		
1	Dự án quy hoạch			8.566	8.566	0	0	0	0	0	0	8.034	0	8.034	8.034	0	0	8.034		
1	Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 chợ phường Hải Yên tại khu 5, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	607; 22/02/2024		167	167														167	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu chế biến nông sản tập trung tại xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái	816; 08/3/2024		595	595														595	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Công trình thu gom, bãi đổ thải tại phường Hải Yên và xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	5541; 28/9/2023; 836; 08/3/2024		442	442														442	
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Bến thủy nội địa Công an Nhân dân tại thành phố Móng Cái	4094; 28/7/2023; 836; 08/3/2024		113	113														113	
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị tại phường Hải Hoà, thành phố Móng Cái	9459; 04/11/2022; 836; 08/3/2024		727	727														727	
6	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cửa hàng xăng dầu Hải Xuân (trên tuyến đường từ Cầu Voi đến đường tỉnh 335) xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	3867; 18/7/2023; 836; 08/3/2024		76	76														76	
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Vĩnh Thục, thành phố Móng Cái	13764; 28/12/2022; 797; 07/3/2024		850	850														850	
8	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	13759; 28/12/2022; 809; 07/3/2024		1.042	1.042														1.042	
9	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu xử lý rác và bãi chôn lấp rác thải tại xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái	837; 08/3/2024		1.040	1.040														1.040	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Số: ngày, tháng, năm		TMBDT		Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Giảm		Tăng		Tổng số		Năm 2021	Năm 2022-2025	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú	
		Quyết định CTBDT/Quyết định đầu tư	Quyết định đầu tư	Trong đó: NSRP	Năm 2021				Năm 2022-2025	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025			Tổng số	Năm 2021		Năm 2022-2025
5	Xây dựng bổ sung phòng học và cải tạo bếp ăn trường mầm non Hải Xuân, thành phố Móng Cái	15227/13/12/2021	17.400	17.400	15.660			15.660			600		600	16.260	0	16.260				
6	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường đi bên Cải Vĩnh và bên Cải Chàm, xã Vĩnh Trung	15238/13/12/2021	14.311	14.311	13.420			13.420			180		180	13.600	0	13.600				
7	Xây mới trụ sở Công an xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	15230/13/12/2021	8.812	8.812	8.100			8.100			300		300	8.400	0	8.400				
III	Dự án khởi công mới giai đoạn 2023-2025		267.548	78.302	17.350	0	17.350	6.825	0	6.825	75.500	0	75.500	86.025	0	86.025				
1	Đầu tư rãnh thoát nước, vỉa hè tuyến đường từ Đồn Biên phòng đến trường Mầm non xã Hải Sơn	NQ 177/14/11/2023	10.621	10.621	10.000			10.000			5.500		5.500	0	0	4.500	0	4.500		
2	Cải tạo, sửa chữa hội trường tầng 01, trụ sở Thành ủy Móng Cái	6110/31/10/2023	4.130	4.130	4.000			4.000			1.200		1.200	0	0	2.800	0	2.800		
3	Xây mới Nhà văn hóa khu 2, phường Trần Phú	6110/31/10/2023	3.800	3.500	3.350			3.350			125		125	0	0	3.225	0	3.225		
4	Xây mới khu nhà học, các phòng học chức năng và nhà đa năng Trường tiểu học Hải Tiến	943/14/3/2024	44.975	23.284							0		23.000	23.000	0	23.000				
5	Xây mới nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ Trường tiểu học và THCS Vĩnh Trung	944/14/3/2024	7.589	3.899							0		2.500	2.500	0	2.500				
6	Xây mới khu nhà học, các phòng học chức năng và nhà đa năng Trường THCS Hải Xuân	943/14/3/2024	58.000	32.868							0		30.000	30.000	0	30.000				
7	Nâng cấp, cải tạo đường trục chính xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	138.433									0		20.000	20.000	0	20.000				
IV	Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023 - 2025 cân hoàn thiện thủ tục đầu tư				341.933		341.933	80.159		80.159				261.774	0	261.774				

Handwritten signature/initials



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 201/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND thành phố Móng Cái)

Biểu số 03

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025				Ghi chú
					Số; ngày, tháng, năm	TMBT		Số dự án	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	
						Tổng cộng	Trong đó: NSTP					
TỔNG CỘNG						1.187.811	945.472	42	387.000	167.125	219.875	
1	Cải tạo nâng cấp tuyến cống thoát nước khu Hồng Phong, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	C	2019 -2021	BQL dự án ĐTXD	6016; 29/10/19	4.212	4.212	1	395	395	0	
2	Xây dựng bổ sung khu nhà hiệu bộ và các phòng học bộ môn trường THCS Hải Tiên, thành phố Móng Cái	C	2019 -2020	BQL dự án ĐTXD	5057; 18/9/19	14.696	14.696	1	2.139	2.139	0	
3	Xây dựng bổ sung khu nhà hiệu bộ và các phòng học bộ môn trường THCS Hải Xuân, thành phố Móng Cái	C	2019 - 2021	BQL dự án ĐTXD	5882; 24/10/19	11.956	11.956	1	1.590	1.590	0	
4	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước dọc tại khu vực đông dân cư thuộc tuyến đường xuyên đảo xã Vĩnh Thực-Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái	C	2019-2021	BQL dự án ĐTXD	5586; 11/10/19	8.996	8.996	1	1.150	1.150	0	
5	Gia cố đoạn xung yếu tuyến đê thôn 1 xã Quảng Nghĩa	C	2019 - 2021	BQL dự án ĐTXD	6115; 31/10/19	5.027	5.027	1	1.093	498	595	
6	Cải tạo, nâng cấp hồ Khe Cầu và liên kết với Hồ Cái Vĩnh, xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái.	C	2019 - 2022	BQL dự án ĐTXD	6015; 29/10/19	12.971	12.971	1	5.300	300	5.000	
7	Hoàn trả kinh phí cho nhà đầu tư thực hiện dự án Đầu tư xây dựng cầu phao tạm trên sông Ka Long và các hạng mục công trình đảm bảo hoạt động của cầu phao tạm Km3+Km4, phường Hải Yên, TP Móng Cái (Hợp đồng xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ (BTL))	C	2018-2019	BQL dự án ĐTXD	140; 8/6/2017	173.334	154.909	1	72.500	31.000	41.500	
8	Trường THCS Bình Ngọc	C	2019-2021	BQL dự án ĐTXD	5163; 23/9/19	37.082	37.082	1	10.000	10.000	0	
9	Trường mầm non Hải Yên	C	2019-2021	BQL dự án ĐTXD	6112; 31/10/19	34.116	34.116	1	24.700	11.120	13.580	
10	Sửa chữa một số hạng mục Trung tâm truyền thông và văn hóa	C	2019-2021	BQL dự án ĐTXD	4925; 10/9/19	11.083	11.083	1	1.756	800	956	
11	Chỉnh trang khu dân cư km3, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	C	2019-2020	UBND thành phố MC	4406; 30/10/18	131.773	39.532	1	7.228	1.000	6.228	
12	Hạ tầng Khu dân cư Bắc Đại lộ Hoà Bình, thành phố Móng Cái	C	2018-2022	BQL dự án ĐTXD	3646; 1/8/18	175.558	175.558	1	76.100	50.230	25.870	
13	Mở rộng tuyến đường phố Thắng Lợi, phường Trần Phú	C	2018 - 2020	BQL dự án ĐTXD	5461; 30/10/18	6.705	6.705	1	800	800	0	
14	Hạ tầng khu tái định cư thôn 5, xã Hải Xuân	C	2018-2021	BQL dự án ĐTXD	4998; 1/10/18	59.931	59.931	1	25.000	12.600	12.400	
15	Xây mới Trụ sở UBND xã Quảng Nghĩa	C	2019-2022	BQL dự án ĐTXD	5918; 28/10/19	12.454	12.454	1	1.890	200	1.690	
16	Xây dựng hồ chứa nước Đầm Ván, xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	C	2016 - 2022	BQL dự án ĐTXD	5381; 29/10/18; 12704; 27/10/2021; 13285; 14/12/2022	18.852	18.852	1	8.530	800	7.730	
17	Hạ tầng Khu xử lý rác thải sinh hoạt tại xã Vĩnh Trung, Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	C	2015 - 2016	BQL dự án ĐTXD	5181; 03/12/15	6.526	6.526	1	3.900		3.900	
18	Cấp nước tập trung liên xã Hải Xuân - Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	C	2018-2021	BQL dự án ĐTXD	5488; 31/10/18	26.082	26.082	1	4.537		4.537	
19	Hỗ trợ xây dựng khu căn cứ chiến đấu thành phố Móng Cái (Hạng mục Đường cơ động vào thao trường và Sở chỉ huy diễn tập thành phố Móng Cái)	C	2018 - 2020	BQL dự án ĐTXD	5228a; 31/10/17	10.000	10.000	1	4.310	4.310	0	
20	Cải tạo, nâng cấp đường từ Trung tâm xã Hải Tiên - Hồ Trảng Vinh đến trạm Biên phòng Pò Hèn, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	C	2020-2021	UBND thành phố MC	4369; 16/10/2019; 2534; 31/8/2022	179.511	109.511	1	85.688	22.524	63.164	
21	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu đô thị vành đai 2-3 (khu A2) thuộc khu kinh tế cửa khẩu MC	C	2017	BQL dự án ĐTXD	323; 25/1/17	5.733	5.733	1	3.500		3.500	
22	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Hải Yên và xã Hải Xuân (ký hiệu A3) thuộc khu kinh tế cửa khẩu MC	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4337; 23/12/16	12.046	12.046	1	6.000		6.000	
23	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu du lịch Trà cổ - Bình Ngọc(khu A6 và một phần khu A5.3) thuộc khu kinh tế cửa khẩu MC	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4399; 27/12/16	6.216	6.216	1	4.000		4.000	

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025				Ghi chú
					Số; ngày, tháng, năm	TMDT		Số dự án	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	
						Tổng cộng	Trong đó: NSTP					
24	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu E-E1.1 - Khu vực phát triển kinh tế xã hội vùng biên gắn với an ninh quốc phòng tại xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái dân cư hiện hữu (ký hiệu C3)	C	2017	BQL dự án ĐTXD	322; 25/1/17	917	917	1	900		900	
25	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu E-E1.3 - Khu vực phát triển kinh tế xã hội vùng biên gắn với an ninh quốc phòng tại xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	C	2017	BQL dự án ĐTXD	346; 25/1/17	1.480	1.480	1	900		900	
26	GPMB nhà văn hóa xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	C	2020-2021		1951; 19/3/21	663	663	1	263	263	0	
27	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên phường Hải Yên - Ninh Dương, thành phố Móng Cái (Đường 4B cũ)	C	2017 - 2018	BQL dự án ĐTXD	4819; 31/10/16	39.200	39.200	1	900	900	0	
28	Khu dân cư kiểu mẫu phường Ka Long	C	2019-2021	UBND phường Ka Long	86b; 15/10/18	368	368	1	29	29	0	
29	Thôn nông thôn mới nâng cao thôn Đông, xã Vạn Ninh	C	2020-2021	UBND xã Vạn Ninh	70; 28/10/19	1.605	1.605	1	147	147	0	
30	Thôn nông thôn mới nâng cao thôn Trung, xã Vạn Ninh	C	2020-2021	UBND xã Vạn Ninh	71; 28/10/19	1.918	1.918	1	272	272	0	
31	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm đô thị hiện hữu (ký hiệu A1) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4341; 23/12/16	1.756	1.756	1	910	910	0	
32	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm đô thị tích hợp mới (ký hiệu C1) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4339; 23/12/16	3.299	3.299	1	2.140	2.140	0	
33	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm đô thị tích hợp mới (ký hiệu C2) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4340; 23/12/17	4.966	4.966	1	1.970	1.970	0	
34	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư hiện hữu (ký hiệu C3) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4342; 23/12/16	10.780	10.780	1	3.930	3.930	0	
35	Xây dựng trụ sở Cảnh sát đường thủy tại phường Ka Long, thành phố Móng Cái	C	2020-2020	BQL dự án ĐTXD	5053; 16/9/19	1.493	1.493	1	162	162		
36	Nâng cấp trụ sở HĐND - UBND thành phố Móng Cái	C	2018 - 2020	BQL dự án ĐTXD	5178; 27/10/17	13.044	13.044	1	454	454	0	
37	Mở rộng, nâng cấp đường từ ngã 5 Ninh Dương - Cầu Voi, thành phố Móng Cái	C	2012-2013	BQL dự án ĐTXD	3367; 18/10/12	34.901	34.901	1	962	195	767	
38	Nâng cấp mặt đường, cải tạo vỉa hè một số tuyến nội thị khu Đông Bắc chợ, phường Trần Phú	C	2018 - 2020	BQL dự án ĐTXD	5062; 25/10/17	14.117	10.191	1	87	87	0	
39	Hồ chứa nước Cái Vĩnh xã Vĩnh Trung	C	Theo kế hoạch bố trí vốn	BQL dự án ĐTXD	6904; 26/12/13	14.367	14.367	1	5.680	980	4.700	
40	Chỉnh trang, cải tạo trục đường chính phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái	C	2016 - 2017	BQL dự án ĐTXD	4808; 31/10/16	14.435	14.435	1	3.230	3.230	0	
41	Nâng cấp đại lộ Hòa Bình, đoạn từ km2 đến cầu Hòa Bình	C		UBND thành phố MC	1704; 01/6/2005	54.238	5.897	1	736		736	
42	Sàn nền phần diện tích mở rộng bệnh viện đa khoa khu vực Móng Cái	C		UBND thành phố MC	2062; 11/6/2010 3139; 16/9/2010; 5298; 30/12/2011; 5844; 31/12/2015	9.406		1	756		756	
43	Dự nguồn phân bổ cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn								10.466		10.466	



ĐẢNG MỘC CẤP DỰ ÁN KHÔI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH
Kèm theo Nghị quyết số 201/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND thành phố Móng Cái

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021		2022-2025
TỔNG CỘNG								3.854,965	2.652,975	2.485,134	409,498	2.075,636	
I	Lĩnh vực Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	7						111.602	111.602	88.473	15.000	73.473	
1	Tu bổ, nâng cấp đê Ông Tam, xã Hải Đông, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.	1	C	12/2019-12/2022	L = 0,9 km	BQL dự án DTXD	1799; 06/3/2020	31.213	31.213	28.090	7.000	21.090	
2	Sửa chữa, nâng cấp đê từ Cầu Voi xã Vạn Ninh đến Miếu Tàu phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	1	C	12/2019-12/2022	L = 1,3 km	BQL dự án DTXD	2122; 20/3/2020	25.301	25.301	22.770	8.000	14.770	
3	Dự án sửa chữa diêm sạt lờ đê thôn 8, xã Hải Xuân	1	C	2022-2023	Xây dựng kè ợp mái L=81m; Gia cố chân đê L=75m	BQL dự án DTXD	14881; 06/12/2021	6.329	6.329	5.700		5.700	
4	Làm mới công đê đê Hàn, xã Vĩnh Trung	1	C	2022-2023	Xây mới 01 công; sửa chữa 02 cánh công	BQL dự án DTXD	15239; 13/12/2021	3.261	3.261	2.935		2.935	
5	Nạo vét sông Mán Thi, đoạn từ cửa sông (vị trí phân lưu giữa sông Sau và sông Mán Thi) tới cầu Trà Bình, xã Hải Xuân và phường Bình Ngọc thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Nạo vét lòng sông S=22,5ha	BQL dự án DTXD	14847; 03/12/2021	29.856	29.856	14.288		14.288	
6	Sửa chữa, nâng cấp công đê biên thôn 2 và thôn 5 xã Hải Đông	1	C	2022	Sửa chữa Công đê đê thôn 2, thôn 5, thay cánh công, hàng rào, bóc đê kè sắt	UBND xã Hải Đông	3496; 20/5/2022	691	691	690		690	
7	Kè chắn sóng đầu Đòng núi Gió (từ cuối núi Gió đến giáp bến Hèn), xã Vĩnh Thục, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	14.952	14.952	14.000		14.000	
II Lĩnh vực Giao thông vận tải								14	180.402	190.603	0	190.603	
1	Nâng cấp đường vào trung tâm xã Quảng Nghĩa	1	C	2022-2024	L = 1,895 km	BQL dự án DTXD	15215; 13/12/2021	27.900	27.900	25.110		25.110	
2	Sửa chữa các ngầm tràn thuộc tuyến dẫn vào rừng phòng hộ thôn Pec Nà, xã Bắc Sơn	1	C	2022-2023	Sửa chữa đường dẫn, ngầm tràn 63,7m	BQL dự án DTXD	15236; 13/12/2021	2.245	2.245	2.123		2.123	
3	Nâng cấp, sửa chữa các công qua đường thuộc tuyến đường vào bản Lý Lố, thôn Thân Phùn, xã Bắc Sơn	1	C	2022-2023	Sửa chữa đường dẫn, ngầm tràn 71 m; xử lý 01 công	BQL dự án DTXD	15237; 13/12/2021	2.958	2.958	2.870		2.870	
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường đi bến Cái Vĩnh và bến Cái Chàm, xã Vĩnh Trung	1	C	2022-2024	L = 2,1 km	BQL dự án DTXD	15238; 13/12/2021	14.311	14.311	13.600		13.600	
5	Cải tạo một số tuyến phố phường Ka Long, Ninh Dương, Hải Yên	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	17.500	17.500	15.800		15.800	
6	Thảm nhựa đường Đoàn Tinh, phường Hải Yên	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	10.500	10.500	9.500		9.500	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số		Năm 2021
7	Nâng cấp mặt đường một số tuyến phố Khu Hòa Bình, Khu Thọ Xuân, phường Hòa Lạc	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	120/NQ-HBND; 22/7/2022	4.144	4.144	3.800		3.800
8	Đường nối từ cửa khẩu Bắc Luân I (vòng xuyên bung bình Ngăn hàng nông nghiệp) đi nút giao cầu Bà Mai, thành phố Móng Cái	1	B	2023-2026		BQL dự án DTXD	134/NQ-HBND; 14/11/2022	943.903	50.000	50.000		50.000
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính Thôn 9 từ giáp Quốc lộ 18 đến ngã ba đi Nhà văn hóa trung tâm xã Hải Đông	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD	NQ 177; 14/11/2023	10.449	10.449	9.800		9.800
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trụ sở UBND xã Quảng Nghĩa đến công chầu thôn 4, xã Quảng Nghĩa	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD	4616; 22/8/2023	9.700	9.700	9.200		9.200
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 18 đến đường Trần Hưng Đạo, khu Hồng Phong, phường Ninh Dương	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD	NQ 177; 14/11/2023	11.661	11.661	11.000		11.000
12	Đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường tại khu Trảng Vỹ, phường Trà Cổ	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD	NQ 177; 14/11/2023	10.737	10.737	10.000		10.000
13	Đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường tại khu Trảng Lỏ, phường Trà Cổ	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD	4622; 22/8/2023	8.297	8.297	7.800		7.800
14	Nâng cấp, cải tạo đường trục chính xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	1	C	2024-2027				138.433	0	20.000		20.000
III	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	15						581.063	485.063	467.506	39.131	428.375
1	Xây dựng khu nhà hiệu bộ, nhà học bộ môn, bộ sung phòng học trường THCS Hải Yên	1	C	2021-2023		BQL dự án DTXD	9596; 04/12/2020	21.791	21.791	20.310	8.940	11.370
2	Xây dựng bộ sung phòng học trường tiểu học Hải Hòa	1	C	2021-2023		BQL dự án DTXD	9447; 03/12/2020	24.434	24.434	23.290	16.691	6.599
3	Xây dựng nhà ăn Trường tiểu học Ka Long	1	C	2021-2022		BQL dự án DTXD	7492; 30/09/2020	13.219	7.219	7.219	3.219	4.000
4	Khu nhà học lý thuyết 03 tầng, Trường tiểu học Ninh Dương, thành phố Móng Cái	1	C	12/2019 - 12/2022		BQL dự án DTXD	1981; 16/03/2020	19.760	19.760	16.357	10.281	6.076
5	Xây khu hiệu bộ và bộ sung các phòng học văn hóa, phòng chức năng trường TH Hải Yên	1	C	2022-2024		BQL dự án DTXD	15223; 13/12/2021	25.983	25.983	24.900		24.900
6	Xây dựng bộ sung phòng học và sửa chữa khu nhà học chức năng thành khu hiệu bộ trường THCS Hòa Lạc	1	C	2022-2024		BQL dự án DTXD	15224; 13/12/2021	25.098	25.098	24.000		24.000
7	Xây bộ sung phòng học, sửa chữa khu nhà học, nhà hiệu bộ trường Tiểu học Lý Tự Trọng	1	C	2022-2024		BQL dự án DTXD	15213; 13/12/2021	40.014	40.014	39.280		39.280
8	Xây dựng bộ sung phòng học và cải tạo bếp ăn trường Mầm non Hải Xuân thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024		BQL dự án DTXD	15227; 13/12/2021	17.400	17.400	16.260		16.260

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTD/Phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021		2022-2025
9	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng hiệu bộ trường TH&THCS Vĩnh Trung	1	C	2022-2024	Xây dựng nhà học 03 tầng	BQL dự án DTXD	15234; 13/12/2021	20.395	20.395	19.860		19.860	
10	Xây dựng bổ sung phòng học, Khu hiệu bộ và nhà ăn trường Mầm non Bình Ngọc	1	C	2022-2024	Xây dựng nhà học 02 tầng; Khỏi nhà hiệu bộ 02; nhà bếp 01 tầng	BQL dự án DTXD	15210; 13/12/2021	16.696	16.696	16.030		16.030	
11	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Trường THPT Trần Phú, phường Ka Long, thành phố Móng Cái	1	B	2022-2024		UBND thành phố Móng Cái	4811; 08/7/2022	200.000	200.000	200.000		200.000	
12	Xây dựng, nâng cấp Trường THCS Ninh Dương, phường Ninh Dương	1	B	2023-2026		UBND thành phố Móng Cái	120/NQ-HDND; 22/7/2022	94.180	4.180	4.000		4.000	
13	Xây mới, nâng cấp phòng học Trường tiểu học Đào Phúc Lộc, phường Trần Phú	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	120/NQ-HDND; 22/7/2022	40.285	40.285	36.300		36.300	
14	Xây khu hiệu bộ trường tiểu học Ninh Dương, phường Ninh Dương	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	120/NQ-HDND; 22/7/2022	16.208	16.208	14.600		14.600	
15	Xây dựng Trường mầm non Hải Yên giai đoạn 2	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	120/NQ-HDND; 22/7/2022	5.600	5.600	5.100		5.100	
IV Lĩnh vực Văn hóa, thông tin, du lịch													
1	Biên tên khu du lịch quốc gia Trà Cỏ, Móng Cái, Quảng Ninh	1	C	02/6/2021 - 30/9/2021	Xây dựng biểu tượng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án DTXD	9604; 04/12/2020	15.762	15.762	15.000	6.259	8.741	
2	Xây mới nhà vệ sinh công cộng kết hợp bãi đỗ xe tỉnh tại phường Trần Phú	1	C			BQL dự án DTXD	6110; 31/10/2023	6.100	6.100	5.800		5.800	
V Lĩnh vực Y tế													
1	Xây dựng Trạm y tế xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Xây dựng nhà làm việc 02 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án DTXD	15221; 13/12/2021	10.200	10.200	9.556	0	9.556	
2	Xây dựng Trạm y tế xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	Xây dựng nhà làm việc 02 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án DTXD	15225; 13/12/2021	5.106	5.106	4.810		4.810	
VI Lĩnh vực Công nghiệp													
1	Đầu tư hệ thống chiếu sáng khu dân cư thôn 9, 10, xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Đầu tư mới tuyến điện chiếu sáng có chiều dài tuyến khoảng 3250,0 m	Phòng Quản lý đô thị	71/NQ-HDND; 10/11/2021	3.800	3.800	2.490		2.490	
2	Đầu tư đường điện và trạm biến áp ra ngon Hải Đăng Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	120/NQ-HDND; 22/7/2022	9.400	9.400	8.455		8.455	
3	Thay thế hệ thống chiếu sáng công cộng hiện hữu sử dụng bóng Sodium bằng hệ thống đèn Led tiết kiệm điện trên địa bàn thành phố Móng Cái	1	C	2023-2024		BQL dự án DTXD	134/NQ-HDND; 14/11/2022	10.000	10.000	10.000		10.000	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			KH 2021-2025		Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025		
4	Đầu tư hệ thống chiếu sáng đường trục chính khu dân cư từ thôn 7 đi thôn 2, xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2024		BQL dự án DTXD	134/NQ-HDND; 14/11/2022	7.063	7.063	7.060	1.410	7.060	7.060	
VII	Lĩnh vực Cấp nước, thoát nước và xử lý rác thải, nước thải	4						49.262	46.798	24.640	1.410	23.230		
1	Tuyến rãnh thoát nước mặt khu dân cư tổ 5, khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	C	2020-2021	L=350 m	BQL dự án DTXD	9615; 04/12/2020	1.492	1.492	1.410	1.410	0		
2	Xây dựng bổ sung hệ thống cấp nước sạch tại thôn Thới Phi xã Vạn Ninh, thôn 4 xã Hải Xuân thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	L=5,61 km	BQL dự án DTXD	15235; 13/12/2021	4.149	4.149	3.730		3.730		
3	Đầu tư rãnh thoát nước, via hè đường Doan Tĩnh, phường Hải Yên (Đoạn từ cầu Tràng Vinh đến nút giao đường Trần Hưng Đạo)	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD	NQ 177; 14/11/2023	33.000	30.536	15.000		15.000		
4	Đầu tư rãnh thoát nước, via hè tuyến đường từ Đồn Biên phòng đến trường Mầm non xã Hải Sơn	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD	NQ 177; 14/11/2023	10.621	10.621	4.500		4.500		
VIII	Lĩnh vực Hạ tầng	18						1.222.739	1.222.738	1.122.741	306.734	816.007		
1	Cải tạo, chỉnh trang đô thị tuyến Đại lộ Hòa Bình (đoạn từ Cửa khẩu Quốc tế Móng Cái đến Vòng Xuyến đi Trà Cỏ), thành phố Móng Cái	1	B	2021-2024	L = 1,348 km	BQL dự án DTXD	10305; 21/12/2020; 8748; 07/10/2022	87.996	87.996	83.660	24.000	59.660		
2	Hạ tầng khu tái định cư tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái	1	B	2020-2024	S=6,1 ha	BQL dự án DTXD	9563; 03/12/2020	109.707	109.707	98.740	34.865	63.875		
3	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường dạo ven biển Trà Cỏ, phường Trà Cỏ, thành phố Móng Cái (Đoạn từ ngã ba ông Thái đến Dự án Khu đô thị và Khu du lịch cao cấp Trà Cỏ)	1	B	2021-2023	L=2,0km	BQL dự án DTXD	10304; 21/12/2020	153.537	153.537	138.180	50.000	88.180		
4	Hạ tầng đất ở tái định cư tại khu 5, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	B	2021-2024	S=9,7ha	BQL dự án DTXD	10302; 21/12/2020	131.304	131.304	120.345	35.560	84.785		
5	Hạ tầng đất ở tại Khu 7, phường Ka Long, thành phố Móng Cái	1	C	2020-2021	S = 0,2 ha	BQL dự án DTXD	9240; 27/11/2020	2.089	2.089	1.866	1.436	430		
6	Hạ tầng Khu dân cư tại khu Hạ Long, phường Ninh Dương	1	B	2021-2024	S=9,85ha	BQL dự án DTXD	10303; 21/12/2020	170.250	170.250	153.230	42.200	111.030		
7	Hạ tầng đất ở tái định cư phục vụ các dự án phát triển kinh tế xã hội tại trên địa bàn phường Hải Yên	1	C	2020-2024	S=4,4 ha	BQL dự án DTXD	9598; 04/12/2020	67.267	67.267	60.540	30.000	30.540		
8	Hạ tầng khu quy hoạch di chuyển các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dự án khu đô thị mới Ninh Dương tại phường Ninh Dương, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	B	2020-2024	S = 10,22 ha	BQL dự án DTXD	9599; 04/12/2020	108.512	108.512	97.660	31.500	66.160		
9	Hạ tầng đất ở tái định cư tại khu Thượng Trung, phường Ninh Dương	1	B	2021-2023	S=10,7 ha	BQL dự án DTXD	152/NQ-HDND; 20/4/2023	280.956	280.956	263.860	57.173	206.687		
10	Điểm tái định cư đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái tại khu Hồng Kỳ phường Ninh Dương thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	S=2,15ha	BQL dự án DTXD	15228; 13/12/2021	25.235	25.235	22.710		22.710		

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025	
11	Điểm tái định cư đường cao tốc Vân Dồn - Móng Cái tại khu Hòa Bình, phường Ninh Dương thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	S = 0,5 ha	BQL dự án DTXD	15226; 13/12/2021	6.233	6.233	5.790	5.790	5.790	
12	Hà táng diêm dân cư khu Cửa Diên, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	S = 1,43 ha	BQL dự án DTXD	15214; 13/12/2021	18.180	18.180	16.360	16.360	16.360	
13	Dự án tái định cư tại khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2024		BQL dự án DTXD	134/NQ- HĐND; 14/11/2022	1.210	1.210	1.200	1.200	1.200	
14	Dự án tái định cư Lô - X, tại khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	134/NQ- HĐND; 14/11/2022	30.882	30.882	30.800	30.800	30.800	
15	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thân Phú Xã, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	701; 15/2/2023	4.590	4.590	4.300	4.300	4.300	
16	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thân Phú Xã, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	678; 14/2/2023	9.000	9.000	8.500	8.500	8.500	
17	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Pò Hèn, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	674; 14/2/2023	9.790	9.790	9.300	9.300	9.300	
18	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Lục Phú, xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	513; 02/2/2023	6.000	6.000	5.700	5.700	5.700	
IX	Lĩnh vực Quốc phòng, an ninh	13						153.821	153.821	144.550	15.000	129.550	
1	Công trình Quốc phòng trong Căn cứ chiến đấu thành phố Móng Cái (giai đoạn I)	1	C	2022-2023	Dường hầm chỉ huy, đường công vụ cơ động, nhà bán âm 3 gian, ụ súng	BCH quân sự TPMC	120; 09/6/2021	42.953	42.953	38.660	15.000	23.660	
2	Xây dựng kho đạn hỏa lực thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Nhà kho đạn hỏa lực mái bằng 1 tầng và các hạng mục phụ trợ	BCH quân sự TPMC	97; 20/5/2022	3.404	3.404	3.400	3.400	3.400	
3	Xây mới Trụ sở Công an xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Xây dựng nhà làm việc 03 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án DTXD	15230; 13/12/2021	8.812	8.812	8.400	8.400	8.400	
4	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Xây dựng nhà làm việc 03 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án DTXD	15222; 13/12/2021	10.066	10.066	9.450	9.450	9.450	
5	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Tiên, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	10071; 30/11/2022	9.346	9.346	9.300	9.300	9.300	
6	Xây mới Trụ sở Công an xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	10103; 02/12/2022 - 3806; 13/7/2023	14.567	14.567	11.600	11.600	11.600	
7	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	10072; 30/11/2022	9.072	9.072	9.000	9.000	9.000	
8	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	10113; 05/12/2022	11.346	11.346	11.340	11.340	11.340	
9	Xây mới Trụ sở Công an xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	10114; 05/12/2022	11.344	11.344	11.300	11.300	11.300	
10	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	2925; 25/5/2023	11.303	11.303	11.300	11.300	11.300	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021		2022-2025
11	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Thục, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	2926; 25/5/2023	11.808	11.808	11.800	0	11.800	
12	Xây mới trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	3079; 05/6/2023	4.500	4.500	4.000	0	4.000	
13	Đầu tư xây dựng trụ cấp nước PCCC trên địa bàn các phường: Hòa Lạc, Trần Phú, Ka Long, Ninh Dương	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD	6110; 31/10/2023	5.300	5.300	5.000	0	5.000	
X	Lĩnh vực quản lý nhà nước	1						4.130	4.130	2.800	0	2.800	
1	Cải tạo, sửa chữa hội trường tầng 01, trụ sở Thành ủy Móng Cái	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD	6110; 31/10/2023	4.130	4.130	2.800	0	2.800	
XI	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng các Phường	19						56.699	52.561	51.338	0	51.338	
I	Phường Ka Long	1						2.033	2.033	2.020	0	2.020	
1.1	Cải tạo nâng cấp các công qua đường tên địa bàn phường Ka Long, TP Móng Cái	1	C	2022-2023	Cải tạo, nâng cấp 28 công qua đường	UBND phường Ka Long	495; 03/12/2021	2.033	2.033	2.020	0	2.020	
2	Phường Bình Ngọc	3						11.088	10.838	10.660	0	10.660	
2.1	Sửa chữa, bổ sung các hạng mục trụ sở UBND phường Bình Ngọc	1	C	2022	Cải tạo, sửa chữa trụ sở	UBND phường Bình Ngọc	850; 27/01/2022	906	906	900	0	900	
2.2	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng đường tỉnh lộ 335 từ Trụ sở UBND phường Bình Ngọc đi Mũi Ngọc, phường Bình Ngọc	1	C	2022-2024	Xây dựng tuyến chiếu sáng L=3,7 km	BQL dự án DTXD	15229; 13/12/2021	7.083	7.083	6.910	0	6.910	
2.3	Xây dựng Nhà văn hóa khu 4, phường Bình Ngọc	1	C	2023-2025		UBND phường Bình Ngọc	134/NQ-HBND; 14/11/2022	3.100	2.850	2.850	0	2.850	
3	Phường Hòa Lạc	1						878	878	870	0	870	
3.1	Cải tạo, sửa chữa khu vui chơi trẻ em thành điểm vui chơi phường Hòa Lạc	1	C	2022	Sửa chữa nhà chính, khu vệ sinh, khuôn viên	UBND phường Hòa Lạc	16368; 31/12/2021	878	878	870	0	870	
4	Phường Ninh Dương	5						6.802	6.177	6.275	0	6.275	
4.1	Xây dựng tuyến công nước thải số 23, 26 khu Hồng Hà, phường Ninh Dương	1	C	2022	Xây dựng tuyến công nước thải với tổng chiều dài tuyến khoảng L = 193,17m	UBND phường Ninh Dương	16349; 31/12/2021	803	803	900	0	900	
4.2	Cải tạo, nâng cấp tuyến công thoát nước số 8, khu Thương Trung, phường Ninh Dương	1	C	2022	Tuyến công thoát nước có tiết diện BxH = 1,0x1,0m, chiều dài L=270,91m	UBND phường Ninh Dương	16348; 31/12/2021	1.169	1.169	1.170	0	1.170	
4.3	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè trước nhà văn hóa khu Hồng Hà, phường Ninh Dương	1	C	2022	Lát diện tích vỉa hè 404,14m ²	UBND phường Ninh Dương	16350; 31/12/2021	556	556	555	0	555	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTD/phiên duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	
4.4	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Khuyến, khu Hồng Hà, phường Ninh Dương	1	C	2022	Lãi diện tích vỉa hè 1.139m ²	UBND phường Ninh Dương	16351; 31/12/2021	875	450	450	450	
4.5	Xây dựng Nhà văn hóa khu Hồng Phong, phường Ninh Dương	1	C	2023-2025		UBND phường Ninh Dương	134/NQ- HDND; 14/11/2022	3.400	3.200	3.200	3.200	
5	Phường Trà Cổ	1						3.494	3.193	3.000	0	3.000
5.1	Xây mới nhà văn hóa khu Trảng Lợ, sửa chữa nhà văn hóa khu Trảng Vỹ, phường Trà Cổ	1	C	2022-2023	Xây mới nhà văn hóa khu Trảng Lợ, sửa chữa nhà văn hóa khu Trảng Vỹ	UBND phường Trà Cổ	16504; 31/12/2021	3.494	3.193	3.000	3.000	
6	Phường Hải Hòa	5						19.428	18.546	17.938	0	17.938
6.1	Cải tạo công thoát nước thải khu dân cư sau cây xăng khu 8, phường Hải Hòa	1	C	2022-2023	L = 658,8m	UBND phường Hải Hòa	962; 15/12/2021	2.143	2.143	2.140	2.140	
6.2	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường Trần Quang Khải từ khu 8 đi khu 2, phường Hải Hòa	1	C	2022	L = 1,76km	UBND phường Hải Hòa	963; 15/12/2021	648	648	648	648	
6.3	Xây mới Nhà văn hóa khu 3, phường Hải Hòa	1	C	2024-2026		UBND phường Hải Hòa	6110; 31/10/2023	5.461	5.000	4.800	4.800	
6.4	Xây mới Nhà văn hóa khu 4, phường Hải Hòa	1	C	2024-2026		UBND phường Hải Hòa	6110; 31/10/2023	5.455	5.455	5.250	5.250	
6.5	Xây mới Nhà văn hóa khu 8, phường Hải Hòa	1	C	2024-2026		UBND phường Hải Hòa	6110; 31/10/2023	5.721	5.300	5.100	5.100	
7	Phường Hải Yên	2						9.175	7.395	7.350	0	7.350
7.1	Xây dựng Nhà văn hóa khu 3, phường Hải Yên	1	C	2023-2025		UBND phường Hải Yên	134/NQ- HDND; 14/11/2022	4.230	3.450	3.450	3.450	
7.2	Xây mới nhà văn hoá khu phố 1, phường Hải Yên	1	C	2023-2025		UBND phường Hải Yên	4623; 22/8/2023	4.945	3.945	3.900	3.900	
8	Phường Trần Phú	1						3.800	3.500	3.225	0	3.225
8.1	Xây mới Nhà văn hóa khu 2, phường Trần Phú	1	C	2024-2026		UBND phường Trần Phú	6110; 31/10/2023	3.800	3.500	3.225	3.225	
XII	Chương trình xây dựng nông thôn mới	27						144.345	137.296	103.509	21.749	81.760
I	Các dự án chung	8						71.300	71.300	37.800	1.516	36.284
I.1	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	1						10.000	10.000	2.000		2.000

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021		2022-2025
1.2	Kinh phí hỗ trợ các nội dung theo quy định tại Nghị quyết số 194 của HĐND tỉnh Quảng Ninh Khóa XIII	1						10.000	10.000	8.000		8.000	
1.3	Kinh phí hỗ trợ thực hiện đề án OCOP thành phố Móng Cái đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; kinh phí hỗ trợ chương trình OCOP năm 2022	1						25.000	25.000	3.000		3.000	
1.4	Hỗ trợ Thành lập mới HTX; phát triển HTX	1						2.500	2.500	2.000		2.000	
1.5	Quy hoạch xây dựng NTM nâng cao; NTM kiểu mẫu	1						9.800	9.800	9.800		9.800	
1.6	Kinh phí hoạt động của BCD	1						1.500	1.500	1.000		1.000	
1.7	Kinh phí tuyên truyền	1						2.500	2.500	2.000		2.000	
1.8	Kinh phí tổ chức và trao thưởng cho các cuộc thi thuộc chương trình NTM trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021 - 2025	1						10.000	10.000	10.000		1.516	8.484
2	Chương trình xây dựng nông thôn mới các Xã	19						73.045	65.996	65.709	20.233	45.476	
a	<i>Xã Bắc Sơn</i>	8						<i>15.059</i>	<i>13.042</i>	<i>13.158</i>	<i>6.900</i>	<i>6.258</i>	
a1	Thôn đạt chuẩn NTM Thôn Lục Phú, xã Bắc Sơn	1	C	2020-2021	Sửa chữa nhà văn hóa; hệ thống chiếu sáng đường thôn Lục Phú	BQL dự án DTXD	9614; 04/12/2020	2.908	2.033	2.525	2.090	435	
a2	Vườn hoa, khuôn viên, cây xanh, rãnh thoát nước thải dọc các trục đường thôn Pec Nà, Phình Hồ và Thán Phấn	1	C	2020-2022	thoát nước Pec Nà; Xây bồn hoa	UBND xã Bắc Sơn	157; 11/12/2020	696	516	470	410	60	
a3	Nâng cấp tuyến đường thôn Pec Nà, xã Bắc Sơn	1	C	2021-2022	L=1473m	UBND xã Bắc Sơn	206; 24/8/2021	2.624	2.081	1.990	1.108	882	
a4	Hệ thống điện chiếu sáng khu dân cư thôn Pec Nà, xã Bắc Sơn	1	C	2021-2022	Lắp đặt cột, 35 bóng điện cao áp	UBND xã Bắc Sơn	207; 24/8/2021	973	872	842	467	375	
a5	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Pec Nà, xã Bắc Sơn	1	C	2021-2022	Sửa chữa nhà văn hóa, vệ sinh, tường rào	UBND xã Bắc Sơn	208; 24/8/2021	441	441	341	315	26	
a6	Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải; khu dân cư thôn Phình Hồ, Thán Phấn, Pec Nà	1	C	2020-2022	L = 2,32 km	BQL dự án DTXD	9662; 07/12/2020	4.007	4.007	3.900	2.100	1.800	
a7	Xây dựng Điểm tập kết và mua xe thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn	1	C	2020-2022	Xây 10 điểm tập kết rác, xe rác	UBND xã Bắc Sơn	156; 11/12/2020	449	410	410	410	0	
a8	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường bản 10 hộ, thôn Lục Phú, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn		2.961	2.682	2.680		2.680	
b	<i>Xã Vạn Ninh</i>	7						<i>17.913</i>	<i>16.216</i>	<i>16.236</i>	<i>10.962</i>	<i>5.294</i>	
b1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn Cầu Voi	1	C	2021-2022	Sửa chữa tuyến đường 76m, xây rãnh thoát 176m, xây bồn hoa, cây xanh	UBND xã Vạn Ninh	54; 08/12/2020	838	779	779	695	84	
b2	Chính trang, mở rộng lề đường; xây dựng rãnh thoát nước 02 bên đường ngõ xóm Thôn Bắc, Thôn Nam	1	C	2021-2022	L=671m	UBND xã Vạn Ninh	55; 08/12/2020	1.134	721	721	640	81	
b3	Lắp đặt hệ thống đèn cao áp tuyến đường trục chính xã	1	C	2021-2022	L=1579m	UBND xã Vạn Ninh	58; 08/12/2020	983	506	506	465	41	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021		2022-2025
b4	Nâng cấp khu thể thao trung tâm xã gắn với điểm di tích văn hóa	1	C	2021-2022	San nền 4920m ² , thoát nước	UBND xã Vạn Ninh	57; 08/12/2020	724	671	671	550	121	
b5	Xây dựng 01 công xã, 01 công thôn	1	C	2021-2022	Công chào xã, công chào thôn Nam	UBND xã Vạn Ninh	56; 08/12/2020	701	519	519	435	84	
b6	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt các thôn thôn Đông, thôn Trung, Thôn Cầu Voi trên địa bàn xã Vạn Ninh	1	C	2021-2022	L = 6,9 km	BQL dự án DTXD	9894; 11/12/2020	10.533	10.219	10.260	8.177	2.083	
b7	Xây mới Nhà văn hóa thôn cầu voi, xã Vạn Ninh	1	C			UBND xã Vạn Ninh		3.000	2.800	2.800		2.800	
c	Xã Hải Xuân	4						10.875	10.343	9.739	2.371	7.368	
c1	Xây dựng thôn đạt chuẩn nông thôn mới thôn 3, thôn 4, thôn 6	1	C			UBND xã Hải Xuân	3168; 29/4/2022	5.929	5.639	5.550		5.550	
c2	Sửa chữa, xây mới các tuyến đường ngõ, xóm trên địa bàn xã Hải Xuân	1	C			UBND xã Hải Xuân	226; 19/8/2021	1.031	812	679	472	207	
c3	Xây mới công khu Hồ Nam (thôn 1,2,3,4); thôn 8, thôn 10a, thôn 10b, xã Hải Xuân	1	C	2021-2022	Xây mới Công khu Hồ Nam (Thôn 1,2,3,4); Thôn 8; Thôn 10a; Thôn 10b.	UBND xã Hải Xuân	246; 17/10/2021	911	888	850	489	361	
c4	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn thôn 3, xã Hải Xuân	1	C	2021-2022	L = 1,65 km	BQL dự án DTXD	14714; 02/12/2021	3.004	3.004	2.660	1.410	1.250	
d	Xã Quảng Nghĩa	1						8.214	7.423	7.370	0	7.370	
d1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1, 2, 3, 4, 5, xã Quảng Nghĩa	1	C			UBND xã Quảng Nghĩa	3158; 29/4/2022	8.214	7.423	7.370		7.370	
e	Xã Hải Sơn	2						3.500	3.230	3.219	0	3.219	
e1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn Lục Chấn, Thôn Phú xã, xã Hải Sơn	1	C			UBND xã Hải Sơn	3160; 29/4/2022	2.456	2.331	2.320		2.320	
e2	Chỉnh trang, nâng cấp chợ Pò Hèn, Xã Hải Sơn	1	C			UBND xã Hải Sơn		1.044	899	899		899	
g	Xã Hải Tiến	2						5.032	4.081	4.326	0	4.326	
g1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1, 2, 3A, 3B, 6, xã Hải Tiến	1	C			UBND xã Hải Tiến	3165; 29/4/2022	2.263	1.866	2.116		2.116	
g2	Sửa chữa nâng cấp hệ thống kênh mương nội đồng Thôn 1, 3A, 3B, xã Hải Tiến	1	C			UBND xã Hải Tiến		2.769	2.215	2.210		2.210	
h	Xã Hải Đông	1						4.530	4.295	4.290	0	4.290	
h1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 2,3,4,11, xã Hải Đông	1	C			UBND xã Hải Đông	3166; 29/4/2022	4.530	4.295	4.290		4.290	
i	Xã Vĩnh Thực	2						5.689	5.503	5.496	0	5.496	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTD/ phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021		2022-2025
i1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1,3, xã Vĩnh Thục	1	C			UBND xã Vĩnh Thục	3157; 29/4/2022	3.681	3.517	3.510		3.510	
i2	Đường điện thấp sáng tuyến đường từ ngã 3 tới cảng Vạn Gia (đường liên xã); từ ngã 3 tới trung tâm UBND xã Vĩnh Thục	1	C			UBND xã Vĩnh Thục		2.008	1.986	1.986		1.986	
k	Xã Vĩnh Trung	1						2.233	1.863	1.855	0	1.855	
k1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1,3,4 xã Vĩnh Trung	1	C			UBND xã Vĩnh Trung	3167; 29/4/2022	2.233	1.863	1.855		1.855	
XIII	Công trình, dự án thực hiện Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND	5						13.498	13.250	13.225	0	13.225	
1	Xã Hải Sơn	2						7.400	7.311	7.305	0	7.305	
1.1	Xây mới kênh Mả Thầu Sơn thôn Thân Phú Xã, xã Hải Sơn	1	C			UBND xã Hải Sơn	3161; 29/4/2022	2.412	2.387	2.385		2.385	
1.2	Xây mới Nhà hoạt động thể chất trường Tiểu học & THCS Hải Sơn	1	C			UBND xã Hải Sơn	3159; 29/4/2022	4.988	4.924	4.920		4.920	
2	Xã Bắc Sơn	3						6.099	5.940	5.920	0	5.920	
2.1	Xây mới kênh tưới thôn Pec Nả, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn	3162; 29/4/2022	1.543	1.489	1.480		1.480	
2.2	Xây mới kênh tưới thôn Thân Phú, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn	3163; 29/4/2022	2.022	1.989	1.980		1.980	
2.3	Thay thế ống dẫn nước tưới để phục vụ sản xuất thôn Phình Hồ, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn	3164; 29/4/2022	2.534	2.462	2.460		2.460	
XIV	Lĩnh vực khác	31						17.540	17.540	15.831	4.215	11.616	
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại Khu Hồng Phong, phường Ninh Dương (quỹ đất thu hồi của Công ty Cao su)	1				Phòng Quản lý đô thị	8946; 12/11/2020	49	49	45	45	0	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm hội nghị tiệc cưới, nhà hàng, khách sạn tại khu Hồng Phong, phường Ninh Dương	1				Phòng Quản lý đô thị	8940; 12/11/2020	108	108	100	100	0	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư thôn 10B, thôn 5, thôn 8, xã Hải Xuân	1				Phòng Quản lý đô thị	8949; 12/11/2020	492	492	480	480	0	
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư khu Thương Trung, phường Ninh Dương	1				Phòng Quản lý đô thị	8837; 09/11/2020	473	473	470	470	0	
5	Đề án Phát triển du lịch thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	1				Phòng Văn hóa thông tin	5371; 08/7/2021	486	486	446	170	276	
6	Đề án phát triển hạ tầng môi trường thủy sản thành phố Móng Cái	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	2.746	2.746	2.689	950	1.739	
7	Đề án bảo vệ rừng ngập mặn gắn với khai thác lợi thế từ rừng ngập mặn để phục vụ phát triển du lịch thành phố Móng Cái	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	1.150	1.150	1.073	400	673	
8	Đề án Phát triển sản phẩm OCOP thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	442	442	441	155	286	
9	Đề án xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	935	935	933	325	608	
10	Chương trình phát triển đô thị thành phố Móng Cái đến năm 2030	1				Phòng Quản lý đô thị	5350; 07/07/2021	1.259	1.259	300	300		

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chức danh đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025	
11	Quy hoạch chi tiết TL 1/500 Đất ở tại thôn 10A, thôn 10B, xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	1				Phòng Quản lý đô thị	8950; 12/11/2020	347	347	340	340	0	
12	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Một số điểm dân cư xã Hải Sơn, Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	8948; 12/11/2020	489	489	480	480	0	
13	Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 chợ phường Hải Yên tại khu 5, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	1				UBND phường Hải Yên	607; 22/02/2024	167	167	167	167	167	
14	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu chế biến nông sản tập trung tại xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	816; 08/3/2024	595	595	595	595	595	
15	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Công trình thu gom, bãi đỗ thải tại phường Hải Yên và xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	5541; 28/9/2023; 836; 08/3/2024	442	442	442	442	442	
16	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Bến thủy nội địa Công an Nhân dân tại thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	4094; 28/7/2023; 836; 08/3/2024	113	113	113	113	113	
17	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	9459; 04/11/2022; 836; 08/3/2024	727	727	727	727	727	
18	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cửa hàng xăng dầu Hải Xuân (trên tuyến đường từ Cầu Voi đến đường tỉnh 335) xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	3867; 18/7/2023; 836; 08/3/2024	76	76	76	76	76	
19	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	1				UBND xã Vĩnh Thực	13764; 28/12/2022; 797; 07/3/2024	850	850	850	850	850	
20	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	1				UBND xã Vạn Ninh	13759; 28/12/2022; 809; 07/3/2024	1042	1042	1.042	1.042	1.042	
21	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu xử lý rác và bãi chôn lấp rác thải tại xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	837;08/3/2024	1040	1040	1.040	1.040	1.040	
22	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái	1				UBND xã Vĩnh Trung	13761; 28/12/2022; 8173; 29/12/2023	852	852	852	852	852	
23	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Chốt chiến đấu dân quân thường trực biên giới đất liền xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1				BCH quân sự TP/MC	13; 10/02/2023; 234; 29/12/2023	502	502	378	378	378	
24	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường bán, thao trường huấn luyện tổng hợp lực lượng vũ trang thành phố Móng Cái	1				BCH quân sự TP/MC	19; 20/02/2023; 235; 29/12/2023	1289	1289	882	882	882	
25	Quy hoạch chung xây dựng xã Hải Sơn	1				Phòng Quản lý đô thị	15293; 14/12/2021	120	120	120	120	120	
26	Quy hoạch chung xây dựng xã Bắc Sơn	1				Phòng Quản lý đô thị	15294; 14/12/2021	119	119	119	119	119	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTD/ phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025	
27	Quy hoạch chung xây dựng xã Hải Tiên	1				Phòng Quản lý đô thị	15295; 14/12/2021	132	132	132		132	
28	Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Nghĩa	1				Phòng Quản lý đô thị	15296; 14/12/2021	116	116	116		116	
29	Quy hoạch chung xây dựng xã Hải Đông	1				Phòng Quản lý đô thị	15297; 14/12/2021	127	127	127		127	
30	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 để di chuyển các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dự án Khu đô thị mới Ninh Dương tại phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	3535; 29/6/2023	66	66	66		66	
31	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 công viên phía đông sông Ka Long, thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	1698; 28/3/2023	190	190	190		190	
XV	Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021- 2025	44						231.303	171.548	207.357	0	207.357	
1	Xã Vĩnh Thục	4						15.144	13.882	13.430	0	13.430	
1.1	Sửa chữa, xây mới mương tưới đập Giếng Cối, Vạn Sinh thôn 1, thôn 2, thôn 3 xã Vĩnh Thục	1				UBND xã Vĩnh Thục	1617; 22/3/2023	3.068	2.908	2.836		2.836	
1.2	Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn, ngõ xóm trên địa bàn xã Vĩnh Thục, thành phố Móng Cái	1				UBND xã Vĩnh Thục	1617; 22/3/2023	4.440	4.180	3.800		3.800	
1.3	Xây mới nhà văn hóa thôn 1 Vĩnh Thục, thành phố Móng Cái	1					6185; 03/11/2023	2.821	2.334	2.334		2.334	
1.4	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Vĩnh Thục (giai đoạn 1)	1					6185; 03/11/2023	4.815	4.460	4.460		4.460	
2	Xã Hải Đông	5						16.767	14.550	13.053	0	13.053	
2.1	Nâng cấp tuyến đường trục chính nội đồng thôn 7 đến công chèo thôn 5, xã Hải Đông	1				UBND xã Hải Đông	1617; 22/3/2023	5.600	5.300	4.813		4.813	
2.2	Tuyến điện chiếu sáng thôn 3, thôn 5, xã Hải Đông	1				UBND xã Hải Đông	1617; 22/3/2023	2.880	2.810	1.800		1.800	
2.3	Nâng cấp đường giao thông ngõ, xóm xã Hải Đông năm 2024	1					6185; 03/11/2023	2.437	1.892	1.892		1.892	
2.4	Xây mới nhà văn hóa thôn 7 xã Hải Đông	1					6185; 03/11/2023	2.937	2.232	2.232		2.232	
2.5	Xây mới nhà văn hóa thôn 9 xã Hải Đông	1					6185; 03/11/2023	2.914	2.316	2.316		2.316	
3	Xã Vạn Ninh	6						16.386	15.516	15.397	0	15.397	
3.1	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường từ ngã ba bưu điện xã đến bến cá Trần Hưng Đạo, xã Vạn Ninh	1				UBND xã Vạn Ninh	1617; 22/3/2023	783	685	666		666	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTD/ phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025	
3.2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính thôn Nam, xã Vạn Ninh	1				UBND xã Vạn Ninh	1617; 22/3/2023	4.400	4.100	4.000		4.000	
3.3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba bưu điện xã đi Bến cá Trần Hưng Đạo, thôn Trung, xã Vạn Ninh	1					6185; 03/11/2023	4.260	4.163	4.163		4.163	
3.4	Xây rãnh thoát nước tuyến đường bên cá thôn Đông, xã Vạn Ninh	1					6185; 03/11/2023	1.553	1.425	1.425		1.425	
3.5	Làm rãnh thoát nước 2 bên đường tuyến đường xi nghiệp thôn Bắc, xã Vạn Ninh	1					6185; 03/11/2023	3.300	3.177	3.177		3.177	
3.6	Xây rãnh thoát nước từ tuyến đường Trục Chính xã đến Nhà văn hóa thôn Bắc, xã Vạn Ninh	1					6185; 03/11/2023	2.090	1.966	1.966		1.966	
4	Xã Hải Xuân	7						77.255	50.005	71.099	0	71.099	
4.1	Tuyến điện chiếu sáng thôn 4, xã Hải Xuân	1				UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	1.500	1.450	866		866	
4.2	Xây mới Nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Xuân	1				UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	2.234		2.234	
4.3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Trạm khí tượng đến nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Xuân	1				UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	2.154	2.020	1.964		1.964	
4.4	Xây mới tuyến kênh mương nội đồng phục vụ tưới tiêu thôn 6, thôn 11, xã Hải Xuân	1				UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	2.600	2.199	2.017		2.017	
4.5	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ tỉnh lộ 335 đến đường rẽ chùa Xuân Lan, xã Hải Xuân	1					6185; 03/11/2023	5.899	5.090	5.090		5.090	
4.6	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ cầu Máng đến khu Lò Mắm cũ, xã Hải Xuân	1					6185; 03/11/2023	4.602	3.928	3.928		3.928	
4.7	Xây mới khu nhà học, các phòng học chức năng và nhà đa năng Trường THCS Hải Xuân	1	C			BQL dự án DTXD	943; 14/3/2024	58.000	32.868	55.000		55.000	
5	Xã Bắc Sơn	4						13.096	12.374	10.455	0	10.455	
5.1	Sửa chữa ngăn tràn Pec Nà II, xã Bắc Sơn	1				UBND xã Bắc Sơn	1617; 22/3/2023	2.900	2.835	2.283		2.283	
5.2	Xây mới nhà văn hóa thôn Lục Chấn, xã Hải Sơn	1				UBND xã Hải Sơn	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	1.983		1.983	
5.3	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các khu dân cư thôn Pec Nà và thôn Thân Phìn xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái.	1				UBND xã Bắc Sơn	1617; 22/3/2023	4.000	3.800	2.900		2.900	
5.4	Xây mới nhà văn hóa thôn Thân Phìn, xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1					6185; 03/11/2023	3.696	3.289	3.289		3.289	
6	Xã Vĩnh Trung	4						14.791	10.840	12.307	0	12.307	
6.1	Xây mới Nhà văn hóa thôn 1, xã Vĩnh Trung	1				UBND xã Vĩnh Trung	1617; 22/3/2023	2.600	2.550	2.400		2.400	
6.2	Cải tạo, nâng cấp tuyến mương thôn 1, thôn 2 xã Vĩnh Trung	1				UBND xã Vĩnh Trung	1617; 22/3/2023	1.802	1.731	1.699		1.699	
6.3	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho thôn 1, thôn 2, thôn 3, xã Vĩnh Trung	1				UBND xã Vĩnh Trung	1617; 22/3/2023	2.800	2.660	2.400		2.400	
6.4	Xây mới nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ Trường tiểu học và THCS Vĩnh Trung	1	C			BQL dự án DTXD	944; 14/3/2024	7.589	3.899	5.808		5.808	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTD/ phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021		2022-2025
7	Xã Quảng Nghĩa	3						9.646	9.418	8.739	0	8.739	
7.1	Nhà đa năng trường tiểu học Quảng Nghĩa	1				BQL dự án DTXD	1617; 22/3/2023	5.690	5.640	4.961		4.961	
7.2	Tuyến đường ngõ xóm (từ xóm cầu tre qua xóm núi) xã Quảng Nghĩa	1					6185; 03/11/2023	2.091	1.998	1.998		1.998	
7.3	Tuyến đường ngõ xóm (từ xóm cầu tre qua xóm Hoàng Thái) xã Quảng Nghĩa	1					6185; 03/11/2023	1.865	1.780	1.780		1.780	
8	Xã Hải Tiến	7						60.803	37.882	56.688	0	56.688	
8.1	Lập đất hệ thống điện chiếu sáng thôn 2, xã Hải Tiến	1				UBND xã Hải Tiến	1617; 22/3/2023	1.735	1.691	1.230		1.230	
8.2	Xây mới Nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Tiến	1				UBND xã Hải Tiến	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	2.200		2.200	
8.3	Xây mới Nhà văn hóa thôn 1, xã Hải Tiến	1				UBND xã Hải Tiến	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	2.200		2.200	
8.4	Xây mới công nghệ miễn, thoát lũ thôn 2 xã Hải Tiến	1					6185; 03/11/2023	3.260	2.526	2.526		2.526	
8.5	Xây mới Nhà văn hóa thôn 6 xã Hải Tiến	1					6185; 03/11/2023	3.112	2.980	2.995		2.995	
8.6	Xây mới Nhà văn hóa thôn 8 xã Hải Tiến	1					6185; 03/11/2023	2.721	2.501	2.537		2.537	
8.7	Xây mới khu nhà học, các phòng học chức năng và nhà đa năng Trường tiểu học Hải Tiến	1	C			BQL dự án DTXD	943; 14/3/2024	44.975	23.284	43.000		43.000	
9	Xã Hải Sơn	4						7.416	7.081	6.189	0	6.189	
9.1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các khu dân cư xóm Đồi Tây thôn Pò Hèn và xóm 26 hộ thôn Thán Phùn xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái.	1				UBND xã Hải Sơn	1617; 22/3/2023	2.623	2.492	1.600		1.600	
9.2	Xây dựng mới tuyến mương kéo dài xóm 26 hộ thôn Thán Phùn Xã, xã Hải Sơn	1					6185; 03/11/2023	540	523	523		523	
9.3	Xây mới nhà văn hóa thôn Pò Hèn, xã Hải Sơn	1					6185; 03/11/2023	3.147	3.010	3.010		3.010	
9.4	Xây mới tuyến mương kéo dài thôn Lục Chấn, xã Hải Sơn	1					6185; 03/11/2023	1.105	1.056	1.056		1.056	

(Handwritten signature)